

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----- * -----

Hà Nội, ngày tháng năm 20

PHỤ LỤC 01

Đính kèm Hợp đồng nguyên tắc Số: []/20 /HĐNT/SBTT

Sau khi bàn bạc, hai Bên cùng nhất trí các điều khoản sau:

ĐIỀU 1. HÀNG HÓA

1. Danh mục hàng hóa

TT	Hàng hóa	Xuất xứ	Thông tin khác

Chiết khấu, thưởng, hỗ trợ áp dụng theo Điều 2 Phụ lục này.

2. Ngoài các hàng hóa nêu tại khoản 1 Điều này, Bên A có thể nhập thêm các hàng hóa khác của Bên B trong từng thời kỳ mà không cần kí thêm Hợp đồng hoặc phụ lục mới, với các điều khoản như áp dụng với Danh mục hàng hóa nêu tại khoản 1 Điều này nếu hai bên không có thỏa thuận khác. Nếu có thỏa thuận khác hai bên sẽ lập phụ lục kèm Hợp đồng.

3. Phí tạo mã hàng mới:

Phí tạo mã Nhà cung cấp mới: 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)

Phí tạo mã Hàng hóa / sản phẩm mới: 200.000đ/mã (Hai trăm nghìn đồng mỗi mã)

Các phí tạo mã nêu trên đã bao gồm VAT, cần trừ vào kì công nợ gần nhất.

ĐIỀU 2: CÁC HẠNG MỤC CHIẾT KHẤU, THƯỞNG, HỖ TRỢ

TT	Hạng mục	% thưởng, chiết khấu, hỗ trợ	Ghi chú
1.	Chiết khấu trực tiếp trên đơn hàng	5%	Chiết khấu trực tiếp trên giá nhập đầu vào của mỗi đơn hàng
2.	Chiết khấu cho đơn hàng của mã hàng (SKU) mới	10%	Giảm giá áp dụng cho các đơn hàng đầu tiên. Chiết khấu trực tiếp trên giá trị đơn hàng
3.	Chiết khấu thêm cho đơn hàng khai trương cửa hàng mới	10%	Giảm giá áp dụng cho các đơn hàng đầu tiên. Chiết khấu trực tiếp trên giá trị đơn hàng
4.	Hỗ trợ tiếp thị marketing	1%	Ngân sách quảng cáo, truyền thông sản phẩm mới, được chiết khấu trên doanh số nhập tháng, cần trừ công nợ cuối tháng.
5.	Hợp tác khác (event, thương hiệu, lễ hội...)	10%	Mỗi năm chạy khuyến mại 4 lần. Thời gian tùy thuộc vào lịch do Bên A phân



bổ và được sự thống nhất của Hai Bên

ĐIỀU 3: ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN

1. Phương thức thanh toán

Trừ khoản thường thanh toán đúng hạn được tính trên doanh số đã bao gồm giá trị gia tăng. Giá trị chiết khấu, thưởng và các khoản hỗ trợ theo tỷ lệ phần trăm quy định trên đây được tính trên số liệu tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng theo các đơn hàng phát sinh trong kỳ tính khoản hỗ trợ của Bên A do Bên A tổng hợp. Trường hợp có sự khác biệt giữa số liệu của Bên A và Bên B, số liệu của Bên A sẽ được áp dụng. Phần chênh lệch giữa các Bên sắp xếp và điều chỉnh vào giá trị thanh toán của kỳ kế tiếp.

Đối với các khoản hỗ trợ mang tính chất dịch vụ như hỗ trợ marketing, hỗ trợ trưng bày, hỗ trợ tiếp thị, hỗ trợ kiểm tra chất lượng Hàng hóa ..., Bên A sẽ phát hành hóa đơn VAT cho Bên B. Giá trị viết hóa đơn sẽ là giá trị trước VAT nếu tính theo doanh số trước VAT nhân với tỷ lệ Bên A được hưởng và ngược lại.

Bên B đồng ý để Bên A tiến hành cân trừ vào khoản công nợ phải trả cho Bên B các khoản chiết khấu thưởng hỗ trợ nói trên. Trong trường hợp số dư phải trả cho Bên B không đủ cho việc cân trừ, Bên B sẽ thanh toán cho Bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo hoặc hóa đơn VAT từ Bên A.

2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

3. Thời hạn thanh toán:

Thanh toán ngày 15 hàng tháng cho các đơn hàng phát sinh tháng trước, với điều kiện Bên A nhận đúng, đủ hồ sơ thanh toán từ Bên B.

Ngày thanh toán nếu trùng ngày nghỉ lễ hoặc thứ 7, chủ nhật sẽ được chuyển sang ngày đi làm tiếp theo của Bên A.

Nếu Trường hợp do lỗi Bên A đối chiếu công nợ chậm dẫn đến thanh toán chậm so với thời hạn quy định Bên A phải chịu:

- Tiền phạt vi phạm tương đương 0,03%/ngày tính trên số tiền chậm thanh toán và số ngày chậm trả.
- Lãi chậm trả (nếu áp dụng) tính theo lãi suất cho vay trung bình ngắn hạn của ngân hàng thương mại nơi Bên B mở tài khoản, tại thời điểm phát sinh vi phạm.

Tổng mức phạt vi phạm và lãi chậm trả (nếu có) không vượt quá 8% giá trị nghĩa vụ thanh toán bị vi phạm, theo quy định tại Điều 301 Luật Thương mại 2005. Đồng thời Bên B có quyền tạm ngừng thực hiện các nghĩa vụ của mình cho đến khi Bên A hoàn tất thanh toán và các khoản phạt nêu trên.

4. Đối chiếu công nợ

Thời gian Bên B phải gửi cho Bên A đối chiếu công nợ: Trong vòng 02 ngày kể từ ngày kết thúc mỗi kỳ thanh toán.

Thời gian Bên A phải xác nhận đối chiếu công nợ với Bên B: Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo từ Bên B.

Thời gian Bên B phải gửi cho Bên A hồ sơ thanh toán: Trong vòng 03 đến 05 ngày kể từ ngày nhận được xác nhận đối chiếu công nợ từ Bên A.

5. Hồ sơ thanh toán

Hồ sơ thanh toán gồm: (i) Hóa đơn hợp lệ, (ii) các chứng từ giao nhận Hàng hóa có xác nhận của người giao và người nhận giữa Các Bên (Chứng từ giao nhận là Đơn đặt hàng hay chứng từ nào), (iii) Biên bản đối chiếu công nợ có xác nhận của đại diện đủ thẩm quyền của các Bên, (iv) đề nghị thanh toán của Bên B và các chứng từ khác nếu có theo quy định của từng loại hàng hóa cụ thể.

522785-
CÔNG TY
3 PHẦN
I BIÊN
UNG THỰC
PHỐ H

09391503
CÔNG TY
TNHH
ĐT THÀNH V
HƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ
NGOCTH
PHỐ HỒ C

Hai Bên phải nỗ lực tốt nhất trong khả năng của mình để thực hiện việc đối chiếu công nợ, đảm bảo việc đối chiếu công nợ được hoàn thành và Bên A nhận đúng, đủ bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ trước ít nhất 5 ngày làm việc trước ngày thanh toán.

Việc Bên A thanh toán muộn hơn ngày quy định sẽ không được coi là thanh toán chậm nếu do lỗi của Bên B không thực hiện/ thực hiện không đúng quy định tại điều này hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng. Thời gian thanh toán của Bên A sẽ được lùi tương ứng với số ngày Bên A chậm nhận được đúng, đủ bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ từ Bên B và vẫn được coi là thanh toán đúng hạn.

ĐIỀU 4: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. Phụ lục này có hiệu lực và là một phần không tách rời của Hợp đồng tới khi có Phụ lục thay thế hoặc khi hết hạn Hợp đồng.
2. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Hợp đồng và Phụ lục này các quy định trong Phụ lục sẽ được ưu tiên áp dụng. Các nội dung khác có Hợp đồng không được đề cập đến trong Phụ lục này vẫn giữ nguyên hiệu lực và không thay đổi.
3. Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.



GIÁM ĐỐC
Trần Văn Quân



Nguyễn Bảo Chạch



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----- * -----

Hà Nội, ngày tháng năm 20

PHỤ LỤC 02

Đính kèm Hợp đồng nguyên tắc Số: []/20 /HĐNT/SBTT

ĐIỀU 1: THỜI HẠN SỬ DỤNG CỦA HÀNG HÓA

1. Với các mặt hàng có hạn sử dụng ngắn (dưới 30 ngày như sữa tươi thanh trùng, sản phẩm chế biến...): 90% vòng đời
2. Các mặt hàng tươi sống chưa qua chế biến phải đảm bảo thu hái, đánh bắt trong ngày.
3. Trong bất kỳ trường hợp nào khác, Hàng hóa được giao cho Bên A cũng phải đảm bảo còn ít nhất 80% thời hạn sử dụng đối với hàng trong nước và 70% thời hạn sử dụng với hàng nhập khẩu.

ĐIỀU 2: CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

Theo đúng quy định pháp luật đang có hiệu lực.

ĐIỀU 3: QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

1. Nhóm hàng rau củ: Để vào trong nilon bóng kính có đục lỗ để tránh hấp hơi, một số củ quả đặc biệt dễ hư hỏng, dập nát như cà chua bi: Để trong hộp nhựa.
2. Nhóm hàng thịt, cá:
 - Thịt heo, thịt gà, thịt bò: Đóng khay xếp, bọc màng bọc thực phẩm.
 - Cá: Nếu cá cắt khúc đóng khay xếp, bọc màng bọc thực phẩm.
Nếu cá nguyên con thì cho vào túi nilon.
 - Tôm: Đóng khay xếp, bọc màng bọc thực phẩm.
3. Các loại thực phẩm đông lạnh và thực phẩm khác có sẵn bao bì đóng gói: Sử dụng bao bì có sẵn.
4. Tất cả các sản phẩm tuyệt đối không được đựng thực phẩm trong các túi nilon màu.
5. Các mặt hàng khác khi phát sinh sẽ bổ sung.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Phụ lục này có hiệu lực và là một phần không tách rời của Hợp đồng kể từ ngày ký. Các nội dung khác của Hợp đồng không được đề cập đến trong Phụ lục này vẫn giữ nguyên hiệu lực và không thay đổi.
2. Phụ lục này được thành lập 04 (bốn) bản tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau để thực hiện.



GIÁM ĐỐC
Trần Văn Quân



Nguyễn Bảo Chạch

Số lần vi phạm được tính trong năm thực hiện hợp đồng

3.2. Phạt vi phạm do Bên B vi phạm Nội quy an toàn vệ sinh thực phẩm

Trường hợp Hàng hóa của Bên B không đạt tiêu chuẩn về An toàn vệ sinh thực phẩm thì Bên B sẽ bị xử phạt như sau:

- a. Trường hợp kết quả kiểm nghiệm Hàng hóa thể hiện các chỉ tiêu an toàn thực phẩm vượt ngưỡng tối đa cho phép (các chỉ tiêu vi sinh, kim loại nặng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất kháng sinh có quy định ngưỡng dư tối đa cho phép...)

• Vi phạm lần 1

- Bên A thông báo với Bên B và yêu cầu Bên B áp dụng biện pháp tăng cường kiểm soát chất lượng Hàng hóa.
- Phạt vi phạm 1.000.000 đồng/Hàng hóa (Một triệu đồng trên một hàng hóa vi phạm) đối với Hàng hóa vi phạm.
- Bên B thu hồi Hàng hóa không đạt trong cùng lô sản xuất/ ngày nhập Hàng hóa trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A (nếu vẫn còn hàng tại cửa hàng Bên A)

• Vi phạm lần 2

- Bên A thông báo với Bên B và ngừng nhập Hàng hóa.
- Bên B thu hồi Hàng hóa không đạt trong cùng lô sản xuất/ ngày nhập Hàng hóa trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A (nếu vẫn còn hàng tại Cửa hàng Bên A)
- Phạt vi phạm 2.000.000 đồng/Hàng hóa (Hai triệu đồng trên một Hàng hóa) đối với Hàng hóa vi phạm.
- Bộ phận Quản lý Chất lượng của Bên A sẽ hợp tác với Bên B để xác định nguyên nhân.
- Bên B có Công văn giải trình, nêu rõ biện pháp khắc phục.
- Hàng hóa chỉ được Bên A mở mua trở lại sau khi Bên A nhận được phiếu kiểm nghiệm mới nhất đạt yêu cầu đối với chỉ tiêu vi phạm của Hàng hóa kèm theo Báo cáo và thực tế Bên B đảm bảo các biện pháp khắc phục đã được thực hiện toàn bộ theo đúng yêu cầu.

- b. Trường hợp Hàng hóa của Bên B thuộc một trong các trường hợp sau:

- Có kết quả kiểm nghiệm Hàng hóa thể hiện có các hóa chất, kháng sinh cấm hoặc không được phép sử dụng;
- Cảm quan hàng hóa có mùi, vị bất thường (ôi, thiu, sản phẩm không thuộc loại lên men nhưng có mùi lên men...), có dị vật, sinh vật lạ trong Hàng hóa hoặc các dấu hiệu bất thường có thể quan sát, cảm nhận được bằng các giác quan.

Thì áp dụng hình thức mức phạt như sau:

• Vi phạm lần 1

- Bên A tạm ngừng mua Hàng hóa vi phạm và Bên B thu hồi Hàng hóa không đạt trong cùng lô sản xuất/ ngày nhập Hàng hóa trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo Bên A (nếu vẫn còn hàng tại cửa hàng Bên A)
- Phạt vi phạm 1.000.000 đồng/ Hàng hóa (Một triệu đồng trên một Hàng hóa) vi phạm.
- Hàng hóa được Bên A mở mua trở lại sau khi Bên A nhận được báo cáo giải trình kết quả kiểm tra nguyên nhân, thiết lập và áp dụng biện pháp khắc phục để ngăn chặn tái diễn vi phạm kèm theo phiếu kiểm nghiệm đạt yêu cầu với chỉ tiêu vi phạm của Hàng hóa.



• **Vi phạm lần 2**

- Bên A đóng mã Hàng hóa vi phạm kể từ ngày Bên A gửi thông báo vi phạm lần 2 cho Bên B bằng văn bản hoặc email và Bên B thu hồi Hàng hóa không đạt trong lô sản xuất/ngày nhập Hàng hóa trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A (nếu vẫn còn hàng tại cửa hàng Bên A)
- Phạt vi phạm 3.000.000 đồng/ Hàng hóa (Ba triệu đồng trên một Hàng hóa) vi phạm.
- Mã hàng được mở lại sau khi Bên A nhận được Báo cáo giải trình kết quả kiểm tra nguyên nhân, thiết lập và áp dụng biện pháp khắc phục để ngăn chặn tái diễn vi phạm kèm theo Phiếu kiểm nghiệm đạt yêu cầu đối với chỉ tiêu vi phạm của Hàng hóa.

3.3. Bồi thường thiệt hại

Trong quá trình thực hiện việc giao nhận Hàng hóa và/ hoặc kinh doanh Hàng hóa, nếu Nhân viên giao hàng của Bên B và/ hoặc Hàng hóa của Bên B gây thiệt hại cho Bên A hoặc Khách Hàng, Bên B có trách nhiệm phải bồi thường 100% các thiệt hại phát sinh trên cơ sở Biên bản vi phạm có chữ ký xác nhận của Nhân viên giao hàng Vi phạm/Bên B

3.4. Việc nộp phạt và thanh toán tiền bồi thường thiệt hại

Số tiền phạt vi phạm hoặc số tiền bồi thường cho các tổn thất vật chất sẽ được căn trừ vào công nợ của Bên A đối với Bên B. Trong trường hợp số dư phải trả cho Bên B không đủ cho việc căn trừ nêu trên, Bên B phải thanh toán cho Bên A phần còn thiếu trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A.

ĐIỀU 3: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Phụ lục này có hiệu lực và là một phần không tách rời của Hợp đồng kể từ ngày ký.
2. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Hợp đồng và Phụ lục này, các quy định trong Phụ lục này sẽ được ưu tiên áp dụng.
3. Các nội dung khác của Hợp đồng không được đề cập đến trong Phụ lục này vẫn giữ nguyên hiệu lực và không thay đổi.
4. Phụ lục này được thành lập 04 (bốn) bản tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) có giá trị pháp lý như nhau để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A *M*



GIÁM ĐỐC
Trần Văn Quân

ĐẠI DIỆN BÊN B *N*



Nguyễn Bảo Chạch

